

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022
DỰ TOÁN, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Báo cáo trình tại kỳ họp thứ 5, HĐND xã khóa XXV nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Căn cứ Quyết định số: 5488/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Ninh Giang “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho xã Đồng Tâm”; Căn cứ Nghị quyết số: 15/NQ- HĐND, ngày 02/01/2022 của HĐND xã Đồng Tâm về dự toán ngân sách năm 2022. Thực hiện hướng dẫn của Sở tài chính tỉnh Hải Dương và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ninh Giang về việc lập dự toán và phân bổ dự toán ngân sách cấp xã năm 2023.

UBND xã báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022, xây dựng dự toán và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2023 của xã Đồng Tâm như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022

Năm 2022 là năm thứ 2 của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã sự nỗ lực tập trung của các ban, ngành trong công tác điều hành ngân sách đã cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động QLNN, đảm bảo chế độ an sinh xã hội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội - quốc phòng an ninh trên địa bàn xã.

Cụ thể kết quả thu chi ngân sách xã năm 2022 đạt được như sau ;

I. Về thu ngân sách xã: Ước đạt **11.124.082.630** đồng đạt 149.1% kế hoạch huyện giao; đạt 114.9% kế hoạch xã giao, hoàn thành 7/11 nội dung cụ thể như sau;

*** Các chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch gồm:**

- 1- Phí lệ phí: 18.120.401 đ đạt 100.7% kế hoạch
- 2- Thu thuế môn bài: 43.850.000 đ đạt 99.7 % kế hoạch
- 3- Lệ phí trước bạ : 204.910.731 đ đạt 256.1 % kế hoạch
- 4- Thu bổ sung : 6.537.789.500 đ đạt 204.5% kế hoạch
- 5- Thu khác: 78.372.276 đ đạt 137.5 % kế hoạch
- 6- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp : 237.401.780 đ đạt 260.9% kế hoạch
- 7-Thu chuyển nguồn: 769.685.241 đ đạt 100% kế hoạch

*** Các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch gồm:**

- 1- Thu từ quỹ đất công ích &HLCS : 167.387.401 đ đạt 71.2% kế hoạch
- 2- Thuế giá trị gia tăng: 248.008.760 đ đạt 81.5% kế hoạch

3- Thuế thu nhập cá nhân : 92.313.057 đ đạt 60.74 % kế hoạch

4- Thu tiền đất ; 2.610.705.100 đ đạt 47.5% kế hoạch

(Chi tiết tại phụ lục 01/PLNSX/2022)

II. Về chi ngân sách xã: Ước đạt **10.266.131.994** đồng đạt 147.7% kế hoạch huyện giao; đạt **106.2 %** kế hoạch xã giao, cụ thể như sau:

1- Chi đầu tư phát triển : 5.063.982.447 đ đạt 92.1% kế hoạch

2- Chi dân quân tự vệ : 202.389.000 đồng đạt 101.1% kế hoạch

3- Chi an ninh : 141.550.400 đồng đạt 115.6 % kế hoạch

4- Chi SN Văn hóa thông tin +TDTT: 53.318.900 đồng đạt 120.0 % kế hoạch

5- Chi SN truyền thanh : 22.249.400 đồng đạt 111.6 % kế hoạch

6- Chi SN kinh tế: 70.129.000 đ đạt 142.6% kế hoạch

7- Chi sự nghiệp xã hội; 317.945.000 đ đạt 107.4% kế hoạch

8- Chi QLNN, 2.846.506.895 đ đạt 131.5% kế hoạch

9- Chi kinh phí Đảng; 533.459.900 đ đạt 100,5% kế hoạch

10- Đoàn thanh niên; 142.630.100đ đạt 109.1% kế hoạch

11- Hội liên hiệp phụ nữ; 110.267.600 đ đạt 113.4% kế hoạch

12- Hội nông dân; 95.509.300đ đạt 92.9% kế hoạch

13- Hội cựu chiến binh; 125.443.900đ đạt 114.5% kế hoạch

14- Ủy ban mặt trận tổ quốc xã; 211.240.300đ đạt 126.1% kế hoạch

15- Chi hiệp hội khác; (bao gồm TNXP, CTĐ, hội NNGCDOXIN, hội khuyến học, hội người mù, TTND: 71.286.800đ đạt 100% kế hoạch

16- Chi dự phòng: 41.400.000 đ đạt 100% kế hoạch

17- Chi chuyển nguồn sang năm sau để cải cách tiền lương: 216.823.052 đ

(Chi tiết tại phụ lục 02/PLNSX/2022)

III. Đánh giá công tác ngân sách năm 2022

1. Thuận lợi: Thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2022 theo quyết định số: 5488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang về việc giao kế hoạch ngân sách năm 2022 cho ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm. Được sự quan tâm của UBND huyện hỗ trợ kinh phí XDCB và sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND, UBND đặc biệt là sự quyết tâm của lãnh đạo UBND xã trong việc quản lý điều hành ngân sách và sự cố gắng của các ban ngành đoàn thể trong tuyên truyền vận động các khoản thu ngân sách xã. Đã khắc phục những khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ ngân sách năm 2022 góp phần thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng địa phương.

2. Khó khăn: Năm 2022 dịch bệnh COVID-19 đã cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên những tác động sau dịch bệnh cũng phần nào làm ảnh hưởng tới nền kinh tế chung.

Một số khoản thu còn tồn đọng chưa dứt điểm, chưa kịp thời đặc biệt là các khoản nợ đầu khoán HLCS, đất công ích, nợ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp vẫn còn tồn đọng số tiền chưa thu được là: 34,5 triệu đồng.

Tổng số nợ trong dân tính đến ngày 23/12/2022 là: 561.8 triệu đồng.

Trong đó:

- Nợ mới phát sinh: 94,3 triệu đồng
- Nợ từ những năm trước: 467,5 triệu đồng (*gồm tiền thuế sửa dụng đất phi nông nghiệp = 34,5 triệu, thu đầu khoán chuyển đổi cây trồng = 447,0 triệu đồng; Sản lượng khoán ao, công điền; quỹ PCTT = 80,3 triệu đồng*)

Trong quản lý ngân sách về thu vẫn còn tình trạng các hộ nợ đọng kéo dài, chưa xử lý kịp thời nhất là các hộ hợp đồng, đầu khoán chuyển đổi cây trồng.

Việc hoàn thiện hồ sơ xử lý đất dôi dư xen kẹt tiến độ chậm

Năng lực chuyên môn trong lĩnh vực quản lý thu của một số cán bộ được UBND xã ủy nhiệm thu còn thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa tích cực thu, công tác tuyên truyền vận động của đoàn thể chưa tích cực

3. Những tồn tại hạn chế :

Một số khoản thu vẫn còn tiềm năng thu nhưng trong quá trình quản lý thu chưa khai thác nguồn thu để tăng thu cho ngân sách xã như thu từ xử lý đất dôi dư, xen kẹt...

Một số chỉ tiêu thu ngân sách chưa hoàn thành kế hoạch giao như: HLCS, Thuế VAT, Thuế TNCN, tiền thu sử dụng đất.

Nợ xây dựng cơ bản còn tồn tại tính đến 26/12/2022 = 3,5 tỷ .

Vai trò tham mưu của cán bộ chuyên môn chất lượng chưa cao. Sự phối hợp của các ban ngành đoàn thể, thôn khu dân cư với UBND xã trong việc thu nợ chưa thường xuyên.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN, PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Dự toán thu ngân sách xã năm 2023:

1. Dự toán thu ngân sách huyện giao: 4.447.956.000 đồng
2. Dự toán thu ngân sách xã giao: 18.376.779.000 đồng
(Chi tiết tại phụ lục số 01/ NSX /2023)

II. Dự toán chi ngân sách xã năm 2023:

1. Dự toán chi ngân sách huyện giao: 4.447.956.000 đồng
2. Dự toán chi ngân sách xã giao: 18.376.779.000 đồng
(Chi tiết tại phụ lục số 02/ NSX /2023)

III. Giải pháp thực hiện

1. Thuận lợi: Sự đồng thuận và quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND và UBND xã sự nỗ lực cố gắng của các ngành, việc công khai minh bạch các khoản thu chi theo qui định, việc giao dự toán cho các ban ngành đoàn thể, tổ chức thụ hưởng ngân sách được công khai minh bạch rõ ràng.

2. Khó khăn: Nguồn thu ngân sách xã năm 2023 thu chủ yếu các khoản thu tại xã gặp nhiều khó khăn như thu khoán đất công điền, mặt nước nuôi trồng thủy

sản chuyển đổi cây trồng một số hộ bỏ không gieo cấy công điền, ao hồ ô nhiễm nguồn nước.

Nguồn vốn chủ yếu dựa vào xử lý đất đôi dư, xen kẹt. Dự án khu dân cư chợ vé 4,1ha do xã làm chủ đầu tư chưa được cấp trên phê duyệt quy hoạch.

3. Các giải pháp thực hiện dự toán thu- chi ngân sách năm 2023

***Về thu ngân sách:** Chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, tăng cường công tác thu ngân sách đạt hiệu quả cao, thực hiện công khai minh bạch các khoản thu NS thu đúng thu đủ kịp thời các khoản thu ngân sách theo đúng qui định của Pháp luật, quản lý khai thác tốt các nguồn thu nhất là các khoản thu từ đất.

Rà soát nguồn thu, phát triển thêm các nguồn thu, phân loại từng đối tượng nợ đây đưa kéo dài để có biện pháp thu hồi nợ đạt hiệu quả.

Tích cực thu hồi nợ cũ, xử lý đất đôi dư, xen kẹt, đề nghị cấp trên sớm phê duyệt quy hoạch Dự án khu dân cư chợ vé 4,1ha do xã làm chủ đầu tư để có nguồn vốn XDCB.

***Về chi ngân sách:** Điều hành ngân sách xã theo đúng dự toán được giao, thực hiện nghiêm Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý thu - chi ngân sách, chấp hành qui định công khai minh bạch về ngân sách, thực hiện điều hành ngân sách chủ động, linh hoạt tổ chức đồng bộ các giải pháp bám sát hướng dẫn của cấp trên về dự toán ngân sách năm 2023 và tình hình thực tế của địa phương, chủ động điều hành ngân sách đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của xã trong năm 2023.

Tập trung thực hiện các biện pháp thu hồi nợ đọng của các hộ trên địa bàn xã có tình nợ đọng kéo dài, khai thác tốt nguồn thu từ đất để có nguồn thanh toán dứt điểm nợ XDCB, tập trung nguồn lực thanh toán vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới trong năm 2023

Quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022 và dự toán ngân sách năm 2023. Ủy ban nhân dân xã báo cáo HĐND, hai ban của Hội đồng nhân dân xã, các Đại biểu HĐND xã khóa XXV tại kỳ họp thứ 5./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban KT-XH, ban Pháp chế HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- MTTQ và các ban ngành;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Châu

I/ THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Đính kèm báo cáo số: 630/ BC-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN XÃ GIAO	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO GIAO + BỔ SUNG	THỰC HIỆN ƯỚC ĐẾN 30/12/2022)	TỶ LỆ (%) KHĐND xã giao	TỶ LỆ (%) KHĐND huyện
A	B	1	2	3	5=3/1	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	9.678.075.000	7.459.788.500	11.124.082.630	114,9	149,1
A	Thu ngân sách xã đã qua kho bạc	9.678.075.000	7.459.788.500	11.124.082.630	114,9	149,1
I	Các khoản thu 100%	253.000.000	253.000.000	1.070.731.426	423,2	423,2
1	Phí, lệ phí	18.000.000	18.000.000	18.120.401	100,7	100,7
2	Thu từ quỹ đất công và công ích	235.000.000	235.000.000	167.387.401	71,2	71,2
	<i>Trong đó: Thu hỗ trợ khi NN thu hồi đất</i>			24.510.000		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp					
4	Thu đóng góp của nhân dân theo quy định					
5	Đóng góp tự nguyện của cá nhân, tổ chức					
6	Thu kết dư ngân sách năm trước			72.481.158		
7	Thu khác			812.742.466		
	<i>Trong đó: Thu chuyển nguồn</i>			-	769.685.241	
II	Các khoản thu theo tỷ lệ %	6.228.000.000	728.000.000	3.515.561.704	56,4	482,9
	Các khoản thu phân chia	728.000.000	728.000.000	904.856.604	124,3	124,3
1	Thuế thu nhập cá nhân	152.000.000	152.000.000	92.313.057	60,7	60,7
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	91.000.000	91.000.000	237.401.780	260,9	260,9
3	Thuế môn bài	44.000.000	44.000.000	43.850.000	99,7	99,7

4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp hộ gia đình					
5	Thu thuế GTGT từ hộ kinh doanh	304.000.000	304.000.000	248.008.760	81,6	81,6
6	Lệ phí trước bạ nhà đất	80.000.000	80.000.000	204.910.731	256,1	256,1
7	Thu các khoản điều tiết khác	57.000.000	57.000.000	78.372.276	137,5	137,5
	Các khoản thu phân chia khác của tỉnh	5.500.000.000	-	2.610.705.100	47,5	
1	Thu tiền sử dụng đất	5.500.000.000		2.610.705.100	47,5	
2						
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	3.197.075.000	6.478.788.500	6.537.789.500	204,5	100,9
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3.155.675.000	3.155.675.000	3.214.676.000	101,9	101,9
2	Thu bổ sung kinh phí dự phòng	41.400.000	41.400.000	41.400.000	100,0	100,0
3	Thu bổ sung có mục tiêu		3.281.713.500	3.281.713.500		100,0
IV	Viện trợ không hoàn lại cho xã					
B	Thu ngân sách xã chưa qua KB		-			

II/ CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Phụ lục 02/PL NSX/2022

(Đính kèm báo cáo số: 6.30./ BC-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM HĐND XÃ GIAO	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO GIAO +BỒ SUNG	SỐ THỰC HIỆN ước đến 30 /12/2022	Đạt TỶ LỆ (%) KHĐND xã giao	Đạt TỶ LỆ (%) KH HUYEN
A	B	1	2	3	4=3:1	
	Tổng chi ngân sách xã	9.678.075.000	6.951.788.500	10.266.131.994	106,1	147,7
*	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	9.678.075.000	6.951.788.500	10.266.131.994	106,1	147,7
I	Chi đầu tư phát triển	5.500.000.000	2.000.000.000	5.063.982.447	92,1	253,2
1	Chi đầu tư XDCB	5.500.000.000	2.000.000.000	5.063.982.447	92,1	253,2
-	Chi XD nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học	200.000.000		213.952.653	107,0	
-	Chi XD nhà hiệu bộ trường tiểu học	569.800.000	500.000.000	630.902.000	110,7	126,2
-	Chi XD nhà hiệu bộ trường THCS	1.300.000.000	1.000.000.000	1.297.658.000	99,8	129,8
-	Chi XD nhà đa năng THCS	1.500.000.000	500.000.000	1.805.446.794	120,4	361,1
-	Chi cải tạo SC trụ nhà lớp học MN thôn TX, GM vé	313.762.000		351.385.000	112,0	
-	Chi XD nghĩa trang ND thôn GM vé	202.000.000		190.200.000	94,2	
-	Chi cải tạo SC trụ sở làm việc	1.200.000.000		360.000.000	30,0	
-	Chi trả tiền HTKT thôn Vé	8.438.000		8.438.000	100,0	
-	Chi trả tiền XD đường GT	206.000.000		206.000.000	100,0	
	Chi XD nhà ăn bán trú	1.800.000.000		0	-	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-		

2.1						
2.2						
II	Chi thường xuyên	4.178.075.000	4.951.788.500	5.202.149.547	124,5	105,1
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	322.539.000	344.101.500	343.939.400	106,6	100,0
	- Chi dân quân tự vệ	200.139.000	202.389.000	202.389.000	101,1	100,0
	- Chi an ninh trật tự	122.400.000	141.712.500	141.550.400	115,6	99,9
2	Sự nghiệp giáo dục	-	-			
3	Sự nghiệp y tế	-	-			
4	Sự nghiệp văn hóa-TTĐTT	44.437.000	53.437.000	53.318.900	120,0	99,8
5	Chi sự nghiệp truyền thanh	19.940.000	19.940.000	22.249.400	111,6	111,6
			-			
6	Sự nghiệp kinh tế	49.214.000	49.214.000	70.129.000	142,5	142,5
	- SN giao thông	31.800.000	31.800.000	31.800.000	100,0	100,0
	- SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản- thú y	17.414.000	17.414.000	38.329.000	220,1	220,1
7	Sự nghiệp xã hội	296.119.000	301.369.000	317.945.000	107,4	105,5
	- Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	257.268.000	257.268.000	257.268.000	100,0	100,0
	- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội					
	- Khác	38.851.000	44.101.000	60.677.000	156,2	137,6
8	Chi sự nghiệp môi trường	22.218.000	22.218.000	12.000.000	54,0	54,0
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	3.310.992.000	4.048.893.000	4.053.057.995	122,4	100,1
	- Quản lý Nhà nước	2.164.165.700	2.902.066.700	2.834.506.895	131,0	97,7
	- Đảng cộng sản Việt Nam	530.896.000	530.896.000	533.459.900	100,5	100,5

	- Đoàn thể, hội quần chúng	615.930.300	615.930.300	685.091.200	111,2	111,2
	+ Mặt trận tổ quốc Việt Nam	167.534.800	167.534.800	211.240.300	126,1	126,1
	+ Đoàn Thanh niên CSHCM	138.770.700	138.770.700	142.630.100	102,8	102,8
	+ Hội Phụ nữ Việt nam	97.251.500	97.251.500	110.267.600	113,4	113,4
	+ Hội Cựu chiến binh Việt nam	109.574.400	109.574.400	125.443.900	114,5	114,5
	+ Hội Nông dân Việt nam	102.798.900	102.798.900	95.509.300	92,9	92,9
10	Chi khác	71.216.000	71.216.000	288.109.852	404,6	404,6
	+Chi chuyển nguồn sang năm sau (Cải cách tiền lương)			216.823.052		
	+Các khoản chi khác (TNXP. CTĐ, NCT, Khuyến học, TTND)	71.216.000	71.216.000	71.286.800	100,1	100,1
11	Chi dự phòng	41.400.000	41.400.000	41.400.000	100,0	100,0

- Lưu VT;

DANH SÁCH NỢ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 30/12/2022

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Tổng giá trị dự toán công trình được duyệt theo dự toán (hoặc quyết toán)	Tổng giá trị khối lượng công trình hoàn thành, GT quyết toán	Tổng kinh phí đã thanh toán, bỏ trí lũy kế	Tổng kinh phí còn nợ đến hết ngày 30/12/2022	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	35.200,1	33.694,1	29.847,6	3.566,7	
I	Công trình đã có quyết định phê duyệt QT	24.232,2	23.062,8	21.956,5	826,5	
1	Trường học	19.834,8	18.896,0	17.887,4	728,8	
+	Bê bơi tiểu học	2.692,3	2.075,7	1.922,3	153,4	
+	Các công trình khác(tường rào C1	1.073,0	1.050,9	1.037,1	13,8	
+	Các công trình khác(tường rào C2	736,4	720,5	708,5	12,0	
+	Nhà hiệu bộ tiểu học	3.905,1	3.728,0	3.409,6	318,4	
+	Nhà hiệu bộ THCS	3.914,9	3.744,8	3.465,0	0	
+	Nhà lớp học 3 tầng trường tiểu học	7.035,2	7.098,2	6.993,0	105,2	
+	Cải tạo SC trường MN vé+ TX	477,9	477,9	351,9	126,0	
2	Nghĩa trang	3.451,1	3.251,3	3.224,1	27,2	
+	Cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ	1.255,4	1.161,3	1.146,8	14,5	
+	Nghĩa trang nhân dân thôn GM	2.195,7	2.090,0	2.077,3	12,7	
3	Bãi rác tập trung	946,3	915,5	845,0	70,5	
+	Bãi rác giâm me	499,2	499,2	495,0	4,2	
+	Bãi rác Tranh xuyên	447,1	416,3	350,0	66,3	
4	Hạ tầng kĩ thuật điểm dân cư thôn Vẽ	1.488,7	1.104,2	1.095,8	8,4	
II	Công trình chưa QT hoặc đang chờ phê duyệt QT, có KL hoàn	10.967,9	10.631,3	7.891,1	2.740,2	
1	Đường giao thông	2.640,8	2.515,2	1.795,6	719,6	
+	Đường GTNT tuyến trạm YT đến NTLS	2.640,8	2.515,2	1.795,6	719,6	
2	Trường học	8.327,1	8.116,1	6.095,5	2.020,6	
+	Nhà đa năng tiểu học	3.899,1	3.899,1	3.471,2	427,9	
+	Nhà đa năng THCS	4.428,0	4.217,0	2.624,3	1.592,7	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM**

Phụ lục 01/NSX 2023

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số: 630/BC-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của UBND xã Đồng Tâm)

Đơn vị tính đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH HUYỆN GIAO	KẾ HOẠCH XÃ GIAO	GHI CHÚ
*	TỔNG THU =(I+II+III+IV)	4.447.956.000	18.376.779.000	
I	Các khoản thu cố định tại xã	235.000.000	347.000.000	
1	Thu HLCS	235.000.000	235.000.000	
-	Sản lượng ao	60.000.000	60.000.000	
-	SL công điền	30.000.000	30.000.000	
-	SL chuyển đổi cây trồng	145.000.000	145.000.000	
2	Thu khác	-	112.000.000	
-	Thu thu hồi nợ cũ (Tổng số: 561 tr x20%)		112.000.000	(70% CCTL =78,4 tr 30% chi đầu tư: 33,6tr)
II	Thu các khoản điều tiết tỷ lệ %	723.200.000	723.200.000	
-	Thu phí và lệ phí	18.000.000	18.000.000	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100.000.000	100.000.000	
-	Thuế môn bài	38.000.000	38.000.000	
-	Lệ phí trước bạ đất	45.000.000	45.000.000	
-	Thuế TNCN từ hộ kinh doanh	178.400.000	178.400.000	
-	Thuế VAT từ hộ kinh doanh	292.800.000	292.800.000	
-	Thu các khoản điều tiết khác	51.000.000	51.000.000	
III	Các khoản thu không cân đối	-	13.816.823.000	
-	Thu tiền đất		12.900.000.000	9 hộ có bia+40 hồ sơ đã lập = 4.000m2
-	Thu chuyển nguồn CCTL	-	216.823.000	
-	Thu kết dư ngân sách		700.000.000	Vốn bố trí nhà ăn bán trú chưa thực hiện
IV	Thu BS từ ngân sách cấp trên	3.489.756.000	3.489.756.000	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.426.056.000	3.426.056.000	
-	Thu dự phòng NSX	63.700.000	63.700.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM**

Phụ lục 02/NSX 2023

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo báo cáo số: 620./BC-UBND ngày .. Tháng 12 năm 2022 của UBND xã Đồng Tâm)

Đơn vị tính đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH HUYỆN GIAO	KẾ HOẠCH XÃ GIAO	GHI CHÚ
	TỔNG CHI = (A+B+C)	4.447.956.000	18.376.779.000	
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	-	13.633.600.000	
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	-	13.633.600.000	
1	Trả nợ công trình có quyết toán và có KL hoàn thành		3.500.000.000	
2	Chi XD nhà ăn bán trú trường tiểu học (35% vốn)		2.600.000.000	
3	Chi XD trụ sở công an xã (35% vốn)		1.950.000.000	
4	Cải tạo trụ sở		854.600.000	
5	Chi XD hạ tầng nghĩa tranh Tranh xuyên		1.379.000.000	
6	Chi quy hoạch + GPMB xây dựng NVH Giâm me		1.000.000.000	
7	Chi HTXDCSHT các thôn		1.150.000.000	
8	Chi dự phòng 15% xử lý phát sinh + đầu tư 2024		1.200.000.000	
II	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC	-		
B	CHI THƯỜNG XUYỀN (1+.....10)	4.387.156.000	4.682.379.000	
1	Chi DQTV, an ninh trật tự	266.689.000	266.689.000	
1,1	Chi dân quân tự vệ	189.739.000	189.739.000	
-	PC Phó CHQS+ thôn đội trưởng, chính trị viên trưởng phó	66.156.000	66.156.000	
-	Chi kinh phí trực lễ tết, HL, tuyển quân, hoạt động	123.583.000	123.583.000	
1,2	Chi an ninh trật tự	76.950.000	76.950.000	
-	Chi PC lực lượng dân phòng	40.950.000	40.950.000	
-	Chi hỗ trợ công tác an ninh, trật tự trên địa bàn, chi kinh phí thực hiện làng an toàn , thôn KDC	36.000.000	36.000.000	
2	Chi sự nghiệp VH TT- TDTT	44.452.000	44.452.000	
3	Chi SN truyền thanh	19.940.000	19.940.000	
-	Chi hoạt động sự nghiệp	19.940.000	19.940.000	
4	Chi SN kinh tế	71.440.000	71.440.000	
-	SN giao thông	31.800.000	31.800.000	
-	SN nông nghiệp - thủy lợi - thú y	17.414.000	17.414.000	

-	Sự nghiệp môi trường xã + (4 khu x3 tr/1 khu)	22.226.000	22.226.000	
5	Chi sự nghiệp xã hội	317.106.000	317.106.000	
-	Trợ cấp cán bộ Gia yếu nghỉ việc =10 người	276.060.000	276.060.000	
-	Chi hoạt động sự nghiệp XH	41.046.000	41.046.000	
6	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	3.598.129.000	3.598.129.000	
6.1	Quản lý NN	2.323.251.700	2.323.251.700	
*	Ủy ban nhân dân xã	1.999.156.100	1.999.156.100	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	523.953.000	523.953.000	
-	Phụ cấp chức vụ	7.280.000	7.280.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	131.000.000	131.000.000	
-	PC cán bộ không chuyên trách	234.585.000	234.585.000	
-	Tiền công lao động hợp đồng vụ việc	155.000.000	155.000.000	
-	Tiền công đội trưởng 14*100k*12	16.800.000	16.800.000	
-	Khoản công tác phí	39.600.000	39.600.000	
-	BHXXH 18 %	94.500.000	94.500.000	
-	BHYT 3%	15.720.000	15.720.000	
-	Kinh phí công đoàn đoàn 2%	10.500.000	10.500.000	
-	BHXXH,YT cán bộ KCT 10 ng * hs =1*1,490* 3%	4.780.000	4.780.000	
-	Tiền điện	100.000.000	100.000.000	
-	Tiền nước	10.000.000	10.000.000	
-	Văn phòng phẩm	65.000.000	65.000.000	
-	Cước điện thoại intonet	10.000.000	10.000.000	
-	Sách báo tạp chí	10.000.000	10.000.000	
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản	100.000.000	100.000.000	
-	Chi hỗ trợ kinh phí công đoàn đại hội nhiệm kỳ	10.000.000	10.000.000	
-	Chi quản lý nhà nước	460.438.100	460.438.100	
*	Hội đồng nhân xã	324.095.600	324.095.600	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	64.500.000	64.500.000	
-	Phụ cấp chức vụ	3.236.000	3.236.000	
-	Phụ cấp đại biểu HĐND (23 ĐB)	123.372.000	123.372.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	16.125.000	16.125.000	
-	BHXXH 18 %	11.610.000	11.610.000	
-	BHYT 3%+BHTY ĐBHNĐ xã	1.935.000	1.935.000	
-	BHYT cho ĐBHNĐ xã	4.827.600	4.827.600	

-	Công đoàn 2%	1.290.000	1.290.000	
-	Công tác phí	4.200.000	4.200.000	
-	Chi hoạt động	93.000.000	93.000.000	
6.2	Đảng	598.059.400	598.059.400	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	113.107.000	113.107.000	
-	PC chức vụ , kiêm nhiệm	40.319.400	40.319.400	
-	Phụ cấp đảng uỷ 11x 0,3x1490	59.004.000	59.004.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	28.300.000	28.300.000	
-	BHXXH 18 %	20.400.000	20.400.000	
-	BHYYT 3%	3.393.000	3.393.000	
-	Công đoàn 2%	2.262.000	2.262.000	
-	Công tác phí (03 người)	14.400.000	14.400.000	
-	PC cán bộ không chuyên trách (BT, UBKT đản	135.888.000	135.888.000	
-	Chi kinh phí hoạt động tổ đốn vận 04 x2tr	8.000.000	8.000.000	
-	Chi hoạt động theo QĐ99/ QĐ-TW	172.986.000	172.986.000	
6.3	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ chí minh	127.107.000	127.107.000	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	37.864.000	37.864.000	
-	PC chức vụ 0,15	2.682.000	2.682.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	9.466.000	9.466.000	
-	BHXXH 18 %	7.298.000	7.298.000	
-	BHYYT 3%	1.217.000	1.217.000	
-	Công đoàn 2%	758.000	758.000	
-	Công tác phí khoán 100.000đ/ tháng	1.200.000	1.200.000	
-	Phụ cấp cán bộ phó BThư đoàn TN = 0,65*1490*12	11.622.000	11.622.000	Định mức 4tr/ chi hội 60% chi trả PC, 40% hoạt động chi hội, chi đoàn
-	Phụ cấp BThư chi đoàn TN 200.000 đ/ ng / thá	9.600.000	9.600.000	
-	Hoạt động chi hội	6.400.000	6.400.000	
-	Chi hoạt động đoàn thể	9.000.000	9.000.000	
-	Hoạt động hè	30.000.000	30.000.000	
6.4	Hội liên hiệp phụ nữ	104.446.700	104.446.700	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	43.204.000	43.204.000	
-	PC chức vụ 0,15	2.682.000	2.682.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	10.801.000	10.801.000	
-	BHXXH 18 %	7.776.700	7.776.700	
-	BHYYT 3%	1.296.000	1.296.000	
-	Công đoàn 2%	865.000	865.000	

	Công tác phí khoán 100.000đ/ tháng	1.200.000	1.200.000	
-	Phụ cấp cán bộ phó = 0,65 x1490*12	11.622.000	11.622.000	Định mức 4tr/ chi hội 60% chi trả PC, 40% hoạt động chi hội, chi đoàn
-	Phụ cấp chi hội trưởng ; 200.000 đ/ ng / tháng	9.600.000	9.600.000	
-	Hoạt động chi hội	6.400.000	6.400.000	
-	Chi hoạt động đoàn thể	9.000.000	9.000.000	
6.5	Hội nông dân	105.368.200	105.368.200	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	37.860.000	37.860.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	9.465.000	9.465.000	
-	BHXXH 18 %	6.814.800	6.814.800	
-	BHYT 3%	1.135.800	1.135.800	
-	Công đoàn 2%	757.200	757.200	
-	Công tác phí khoán 100.000đ/ tháng	1.200.000	1.200.000	
-	Phụ cấp cán bộ phó kiêm nghiệm HS 0,65*70%	8.135.400	8.135.400	Định mức 4tr/ chi hội 60% chi trả PC, 40% hoạt động chi hội, chi đoàn
-	Phụ cấp chi hội trưởng ;2 00.000 đ/ ng / tháng	9.600.000	9.600.000	
-	Hoạt động chi hội	6.400.000	6.400.000	
-	Chi hoạt động đoàn thể	9.000.000	9.000.000	
	Chi đại hội nhiệm kỳ	15.000.000	15.000.000	
6.6	Hội cựu chiến binh	82.370.000	82.370.000	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	30.100.000	40.230.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	7.525.000	10.057.500	
-	BHXXH 18 %	5.418.000	7.241.400	
-	BHYT 3%	903.000	1.206.900	
-	Công đoàn 2%	602.000	804.600	
-	Công tác phí khoán 100.000đ/ tháng	1.200.000	1.200.000	
-	Phụ cấp cán bộ phó =0,65*1490	11.622.000	9.834.000	
-	Phụ cấp chi hội trưởng ;200.000 đ/ ng / tháng	9.600.000	9.600.000	Định mức 4tr/ chi hội 60% chi trả PC, 40% hoạt động chi hội, chi đoàn
-	Hoạt động chi hội	6.400.000	6.400.000	
-	Chi hoạt động đoàn thể	9.000.000	8.000.000	
6.7	Ủy ban mặt trận tổ quốc xã	184.856.000	184.856.000	
-	Lương cán bộ (trừ các khoản đóng góp 9,5%)	36.408.000	36.408.000	
-	Phụ cấp công vụ 25%	9.102.000	9.102.000	
-	BHXXH 18 %	6.600.000	6.600.000	
-	BHYT 3%	1.100.000	1.100.000	
-	Công đoàn 2%	728.000	728.000	
-	Khoản công tác phí 120,000đ/ tháng	1.200.000	1.200.000	
-	Phụ cấp cán bộ phó chủ tịch MTTQ	11.622.000	11.622.000	
-	Phụ cấp cán bộ TBCTMT thôn	75.096.000	75.096.000	
-	Chi hoạt động	9.000.000	9.000.000	-
-	Chi KP cuộc vận động toàn đồn đoàn kết XDNTM theo TT121/2017 (Vệ 489 hộ, GM397	17.000.000	17.000.000	

-	Chi kinh phí hoạt động ban CTMT thụn (Vộ 489 hộ, GM397 hộ, TX: 1116 hộ)	12.000.000	12.000.000	03 ban công tác MT thôn x 4 tr/ban
-	Chi hoạt động BCĐ XD DSVH xã	5.000.000	5.000.000	
6.8	Các hiệp hội khác	61.670.000	61.670.000	
*	Hội người cao tuổi	14.122.000	14.122.000	
-	Phụ cấp cán bộ	11.622.000	11.622.000	
-	Chi hoạt động	2.500.000	2.500.000	
*	Hội chữ thập đỏ	7.864.000	7.864.000	
-	Phụ cấp kiêm nhiệm 50% = 0,6/2	5.364.000	5.364.000	
-	Chi hoạt động	2.500.000	2.500.000	
*	Hội cựu thanh niên xung phong	13.228.000	13.228.000	
-	Phụ cấp	10.728.000	10.728.000	
-	Chi hoạt động	2.500.000	2.500.000	
*	Hội nạn nhân CĐ gia cam DIOXIN	13.228.000	13.228.000	
-	Phụ cấp cán bộ	10.728.000	10.728.000	
-	Chi hoạt động	2.500.000	2.500.000	
*	Hội khuyến học	13.228.000	13.228.000	
-	Phụ cấp cán bộ	10.728.000	10.728.000	
-	Hoạt động	2.500.000	2.500.000	
6.9	Thanh tra nhân dân (TTND: 6tr, GSCĐ: 5 tr)	11.000.000	11.000.000	10 thành viên = 6tr trên 8tr
7	Chi kinh phí ban chỉ đạo NTM	4.000.000	4.000.000	
8	Kinh phí tiết kiệm để cải cách tiền lương	65.400.000	143.800.000	78,4 tr thu từ nợ cũ
9	Chi kinh phí cải cách tiền lương (từ nguồn 14)		216.823.000	
C	Dự phòng	60.800.000	60.800.000	

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Trình tại kỳ họp thứ ... hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	18.455.178.947	Tổng số chi	18.455.178.947
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	235.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	13.633.600.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % Bao gồm cả tiền	13.813.599.894	II. Chi thường xuyên	4.400.155.947
III. Thu bổ sung	3.489.756.000	III. Kinh phí tiết kiệm để cải cách tiền lương	360.623.000
1. Bổ sung cân đối	3.426.056.000	IV. Chi dự phòng	60.800.000
2. Bổ sung có mục tiêu	-		-
3. Bổ sung kinh phí dự phòng	63.700.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	700.000.000		
V. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang (nếu có)	216.823.053		

Tỉnh Hải Dương
Huyện Ninh Giang
Xã : Đồng Tâm

Mẫu số: B03b-X
(Ban hành kèm theo QĐ số: 146/2011
TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ tài
Chính

BÁO CÁO THU - CHI QUỸ
(TÍNH ĐẾN 31 /10/2022)

Đơn vị tính : đồng

Phân diện giải		Số tiền	Ghi chú
I	Quỹ đền tranh		
1/ Tổng thu:		7.098.929.543	
1.1 Thu kết dư năm trước chuyển sang		2.897.999.543	
1.2 Thu trong năm		4.200.930.000	
- Thu tiền công đức + tiền dợt dầu		3.979.730.000	
- Thu dịch vụ trông giữ phương tiện		132.000.000	
- Thu dịch vụ hát văn		50.000.000	
- Thu dịch vụ kiot		25.200.000	
- Thu dịch vụ viết sớ		14.000.000	
2/ Tổng chi		2.190.381.475	
2.1 Chi đầu tư		1.353.493.000	
2.2 Chi thường xuyên		836.888.475	
+ Còn dư quỹ đến 31/12/2022		4.908.548.068	
II- Quỹ đền ơn đáp nghĩa			
+ Tổng thu:		35.702.000	
Trong đó: thu tiền ủng hộ tổ chức, cá nhân trong năm		35.702.000	
+ Tổng chi		0	
+ Còn dư quỹ đến 29/12/2022		35.702.000	
III - Quỹ nạn nhân gia cam DIOIN			
+ Tổng thu:		20.000.000	
Trong đó: thu tiền ủng hộ tổ chức, cá nhân trong năm		20.000.000	
+ Tổng chi		0	
+ Còn dư quỹ đến 31/12/2022		20.000.000	
IV - Quỹ vỹ người nghèo			
+ Tổng thu:		182.773.848	
Trong đó: Thu tiền ủng hộ của NH ngoại thương		5.000.000	
Thu kết dư năm trước		177.773.848	
+ Tổng chi		9.400.000	
Trong đó :			
- Chi hỗ trợ 02 hộ có hoàn cảnh khó khăn ốm chết (1 Bà Nguyễn Thị Hà thôn Giâm me, Bà Trịnh Thị chúm thôn Giâm me) x2.000.000đ/ hộ		4.000.000	
- Chi hỗ trợ hộ nghèo nhân dịp kỷ niệm 91 năm ngày thành lập MTTQVN 18/11/1930-18/11/2021		3.400.000	

- Chi hỗ trợ kinh phí gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo QĐ số: 373/ QĐUBND ngày 14/7/2022(Đào Quang Nam Đ9 Tranh Xuyên)		2.000.000	
+ Còn dư quỹ đến 31/12/2022		173.373.848	
V - Quỹ COVID-19			
+ Tổng thu:		306.625.677	
Trong đó: Thu trong năm		0	
	Thu kết dư năm trước	306.625.677	
+ Tổng chi		76.363.000	
19	- Chi tiền hỗ trợ ban chấp hành hội CCB tetst covitd-	390.000	
	- Chi tiền thuê nhà bạt, bàn ghế phục vụ cho buổi tets nhanh covitd-19 tại thôn Giâm me	990.000	
	- Chi phí mua sắm vật tư . trang thiết bị ,phục vụ công tác phòng chống dịch covitd-19	74.983.000	
+ Còn dư quỹ đến 31/12/2022		230.262.677	
VI - Quỹ khác (cây xanh tuyến đường ĐH)			
+ Tổng thu:		5.000.000	
- Nộp tiền ủng hộ huyện đoàn ninh Giang ủng hộ trồng cây xanh tuyến đường ĐH01		5.000.000	
+ Tổng chi		0	
+ Còn dư quỹ đến 31/12/2022		5.000.000	

Đ